

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG HÌNH
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28/11/2018
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG HÌNH, TỈNH PHÚ YÊN
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Đông

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Lai;

2. Ông Ksor Y Kư.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Chị Lê Thị Mạ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Tình - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Hình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2018 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2018/QĐST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Tấn L, sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn HG, xã SG, huyện SH, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim Ch sinh năm 1972, ông Nguyễn Văn H sinh năm 1973. Có cùng địa chỉ: Thôn AH, xã ĐBT, huyện SH, tỉnh Phú Yên. Bà Ch có mặt, ông H vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1970. Địa chỉ: Thôn HG, xã SG, huyện SH, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tấn L, sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn HG, xã SG, huyện SH, tỉnh Phú Yên theo văn bản ủy quyền ngày 26/11/2018. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 6 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Phạm Tấn L trình bày:

Ngày 17/01/2014 (ngày 17/12/2013 âm lịch) vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim Ch và ông Nguyễn Văn H có vay nợ của vợ chồng ông L 100.000.000^d, thỏa thuận lãi suất 4%/tháng. Sau khi vay ông H bà Ch trả được 8 tháng lãi là 32.000.000^d. Ngày 06/01/2017 (ngày 09/12/2016 âm lịch) ông H cùng bà Ch tiếp tục vay thêm 50.000.000^d, lãi suất thỏa thuận 4%/tháng, sau khi vay ông H bà Ch trả được 01 tháng lãi là 2.000.000^d. Ngày 17/01/2017 (ngày 20/12/2013 âm lịch) vợ chồng ông H bà Ch vay thêm 30.000.000^d, thỏa thuận lãi suất 4%/tháng. Các lần vay đều có viết giấy vay, hẹn trả tiền lãi hàng tháng còn tiền gốc khi nào vợ chồng ông L cần lấy thì báo trước 01 tháng vợ chồng bà Ch sẽ trả. Nhưng từ đó đến nay vợ chồng ông L đòi nhiều lần chưa trả nên ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Ch ông H phải trả 180.000.000^d tiền gốc và tiền lãi theo từng thời gian vay của 3 khoản vay với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của pháp luật tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Ch, ông Nguyễn Văn H trình bày:

Bản tự khai ngày 14/7/2017 và Biên bản hòa giải không thành ngày 14/7/2017 (BL 14, 24-26), vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim Ch, ông Nguyễn Văn H thừa nhận về số tiền, các mốc thời gian vay nợ, tiền lãi đã trả và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật, tính lại cả khoản tiền lãi đã trả. Sau đó, ông Nguyễn Văn H cho rằng việc vay mượn giữa bà Ch - vợ ông và ông L ông H không biết, không ký bất cứ một giấy vay nợ nào của vợ chồng ông L nên không đồng ý trả nợ. Bà Ch cũng cho rằng việc vay nợ chỉ một mình bà thực hiện, bà tự ký giả chữ ký phần người chồng trên tất cả các giấy vay nợ với vợ chồng ông L nên bà nhận trách nhiệm trả nợ riêng.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bị đơn trả nợ gốc và lãi tính theo mức 2%/tháng; bị đơn bà Ch thừa nhận số nợ gốc, cho rằng đã trả 8 tháng lãi của khoản vay 100.000.000^d với mức lãi suất 40% như thỏa thuận ghi trong giấy vay, yêu cầu Tòa án tính lại phần lãi suất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hình phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về xét xử sơ thẩm; xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Kết luận giám định xác định được ông H có trực tiếp tham gia vay tiền nên vợ chồng ông H bà Ch phải có trách nhiệm trả nợ. Về yêu cầu khởi kiện của ông L, căn cứ Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 466, 406 Bộ luật Dân sự 2015 buộc trả gốc 180.000.000^d, lãi của 100.000.000^d với mức lãi suất 1,125%/tháng (13,5%/năm), với khoản 80.000.000^d phải trả lãi suất

1,667%/tháng (20%/năm). Buộc các bên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua kiểm tra các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng dân sự:

Ông Phạm Tấn L có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh giải quyết yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim Ch, Nguyễn Văn H cư trú tại thôn AH, xã ĐBT, huyện SH, tỉnh Phú Yên phải trả nợ tiền vay cho vợ chồng ông. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa hôm nay ông L thừa nhận số tiền cho vợ chồng ông H bà Ch vay là tài sản chung vợ chồng và xuất trình giấy ủy quyền của vợ là bà Nguyễn Thị Thanh Th ngày 26/11/2018, ủy quyền cho chồng là ông Phạm Tấn L giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử xác định tư cách tham gia tố tụng của bà Th là người có quyền lợi liên quan.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Ông Phạm Tấn L và bà Nguyễn Thị Kim Ch đều thừa nhận từ năm 2014 đến năm 2017 bà Ch có vay của vợ chồng ông L nhiều lần tiền, mỗi lần vay có viết giấy vay, tổng cộng 180.000.000^d (Một trăm tám mươi triệu đồng) đến nay chưa trả gốc, đây là tình tiết không phải chứng minh. Như vậy, giữa vợ chồng ông L và bà Ch đã xác lập hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự 2005, Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015, do bà Ch vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông L khởi kiện yêu cầu trả nợ gốc và lãi theo quy định của pháp luật là phù hợp quy định tại Điều 474, Điều 476, Điều 477 Bộ luật dân sự 2005; Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Đối với khoản vay ngày 17/01/2014, là giao dịch phát sinh trước ngày 01/01/2017 nên căn cứ quy định tại Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015, áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 476, Điều 305 của Bộ luật Dân sự 2005 để giải quyết. Khi vay các đương sự có thỏa thuận tính lãi, nguyên đơn khai là 4%/tháng, bị đơn cho rằng đã trả lãi 8 tháng với mức 40%/tháng đúng như giấy vay tiền đối với khoản vay 100.000.000đ, tuy nhiên căn cứ vào lời khai nhận của bị đơn tại B1 14, 15a thì có đủ cơ sở xác định lãi suất do các bên thỏa thuận là 4%/tháng, nên bà Ch cho rằng đã trả 8 tháng tiền lãi với mức lãi 40%/tháng là không có cơ sở. Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất 20%/năm hoặc 2%/tháng là vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 476 của Bộ luật Dân sự 2005, nên Hội đồng xét xử chấp nhận mức lãi suất bằng 150% của lãi suất cơ bản do Ngân

hàng nhà nước Việt Nam công bố là $9\%/năm \times 150\% = 13,5\%/năm = 1,125\%/tháng$ (Quyết định số 2868/QĐ -NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam); thời gian tính lãi được tính từ ngày bị đơn vay nợ 17/01/2014 (ngày 17/12/2013 âm lịch) đến ngày Tòa xét xử sơ thẩm (ngày 28/11/2018) là 58 tháng 11 ngày. Tiền lãi vay của khoản tiền gốc 100.000.000^d ngày 17/01/2014 (ngày 17/12/2013 âm lịch là: $100.000.000^d \times 1,125\%/tháng \times 58 \text{ tháng } 11 \text{ ngày} = 65.662.000^d$ (đã làm tròn số). Đối với khoản tiền 50.000.000^d vay từ ngày 06/01/2017 (ngày 09/12/2016 âm lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm 28/11/2018 là 22 tháng 22 ngày và khoản tiền 30.000.000^d vay từ ngày 17/01/2017 (ngày 20/12/2013 âm lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm 28/11/2018 là 22 tháng 11 ngày, nguyên đơn yêu cầu tính lãi 20%/năm là phù hợp quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử đủ cơ sở chấp nhận. Cụ thể, tiền lãi của hai khoản vay này là: $50.000.000^d \times 22 \text{ tháng } 22 \text{ ngày} \times 20\%/năm + 30.000.000^d \times 22 \text{ tháng } 11 \text{ ngày} \times 20\%/năm = 30.127.000^d$ (đã làm tròn số). Tổng cộng tiền lãi của ba khoản vay phải trả là: $65.662.000^d + 30.127.000^d = 95.789.000^d$. Ông L thừa nhận bà Ch đã trả cho ông L 34.000.000^d tiền lãi, nên còn phải tiếp tục trả: $95.789.000^d - 34.000.000^d = 61.789.000^d$ tiền lãi.

Về nghĩa vụ trả nợ: Ông Nguyễn Văn H cho rằng việc vay mượn giữa bà Ch - vợ ông và ông L ông H không biết, không ký bất cứ một giấy vay nợ nào của vợ chồng ông L nên không đồng ý trả nợ. Bà Ch cũng cho rằng việc vay nợ chỉ một mình bà thực hiện, bà tự ký giả chữ ký phần người chồng trên tất cả các giấy vay nợ với vợ chồng ông L nên bà nhận trách nhiệm trả nợ riêng.

Ông Phạm Tấn L yêu cầu giám định chữ ký chữ viết phần người chồng trên giấy vay nợ ngày 17/12/2013 âm lịch. Kết quả giám định số 139/GĐ-PC54 ngày 01/6/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Yên kết luận: Chữ ký không đồng dạng nên không tiến hành giám định được; chữ viết “ Nguyễn Văn H” dưới chữ ký ở mục “chồng” trên Giấy vay tiền đề ngày 17/12/2013 (ÂL), đứng tên Nguyễn Văn H, 40 tuổi; Nguyễn .T. Kim Ch 40 tuổi, ở thôn AH, ĐBT, SH đóng dấu bút lục số 16 của Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh so với các mẫu chữ viết ông H thừa nhận là của ông H đã được Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh thu thập làm mẫu so sánh là của cùng một người viết ra. Do đó có đủ cơ sở khẳng định ông H cùng ký tên vay tiền trong giấy mượn tiền ngày 17/12/2013 âm lịch (ngày 17/01/2014), nên cùng phải chịu trách nhiệm liên đới trả nợ. Đối với giấy vay tiền ngày 06/01/2017 (ngày 09/12/2016 âm lịch), không giám định, tuy nhiên, bà Ch thừa nhận bà Ch vay mượn tiền để lấy vốn buôn bán kinh doanh nông sản, ông H thừa nhận hai vợ chồng kinh doanh buôn bán nông sản khoảng 10 năm đến cuối năm 2016 âm lịch thì thua lỗ nên không kinh doanh nữa, ông H không quản lý tiền bạc nhưng làm công việc khuân vác hỗ trợ (*BL-lời khai ông H tại Cơ quan điều tra Công an tỉnh Phú Yên*). Vì vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 25, Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình ông H phải chịu trách nhiệm liên đới với bà Ch trong việc trả nợ cho vợ chồng ông L toàn bộ số tiền gốc $180.000.000^d + 61.789.000^d$ lãi, tổng cộng 241.789.000^d. Ông L khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim Ch và ông Nguyễn Văn H phải trả nợ là có cơ sở.

[3]Về chi phí giám định: Căn cứ quy định tại Điều 160, 161, 162 Bộ luật Tố tụng dân sự, vợ chồng ông H bà Ch phải chịu toàn bộ chi phí giám định là 1.785.000^d. Ông L đã tạm ứng trước nên vợ chồng bà Ch ông H phải trả lại cho ông L.

[4]Về án phí: Vợ chồng bị đơn có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng là $241.789.000^d \times 5\% = 12.089.000^d$ theo quy định của pháp luật. Hoàn lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5]Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 160, 161, 162, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 471, 474, 476, 305 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 25, Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Phạm Tấn L.

Buộc bị đơn vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim Ch và ông Nguyễn Văn H phải có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng ông Phạm Tấn L bà Nguyễn Thị Thanh Th tổng số tiền 241.789.000^d (Hai trăm bốn mươi ba triệu một trăm hai mươi ba ngàn đồng), trong đó tiền gốc vay 180.000.000^d, tiền lãi 61.789.000^d.

Về chi phí giám định: Căn cứ quy định tại Điều 160, 161, 162 Bộ luật Tố tụng dân sự, vợ chồng ông H bà Ch phải chịu toàn bộ chi phí giám định là 1.785.000^d. Ông L đã tạm ứng trước nên vợ chồng bà Ch ông H phải trả lại cho ông L

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí: Bị đơn vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim Ch ông Nguyễn Văn H phải chịu 12.089.000^d (Mười hai triệu không trăm tám mươi chín ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn Phạm Tấn L 5.479.000^d (Năm triệu bốn trăm bảy mươi chín ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu

tiền số 0004308 ngày 10/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND h.Sông Hinh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Đông